

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HSST

Ngày: 16/01/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Lùng.

2. Bà: Vũ Phương Nhung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:

Ông: Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105 /2016/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2016 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Thị O**; sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Xóm 12, xã G1, huyện G, tỉnh N. Chỗ ở hiện nay: Ki ốt số 108, khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Hà Văn P bà Ngụy Thị K; chồng là: Nguyễn Văn Q, và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/11/2016 đến 14/11/2016 được tại ngoại.

- Người làm chứng

1. Anh Nguyễn Xuân H; sinh năm 1992; .

Địa chỉ: Xóm 5, xã A, huyện G, tỉnh N .

2. Chị Lò Thị H; sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ki ốt số 88, KDL Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N .

3. Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ki ốt số 108, KDL Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N .

4. Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ki ốt 88, KDL Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N .

5. Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ki ốt 96, KDL Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N
6. Anh Vũ Thành C; sinh năm 1998.
Địa chỉ: Xóm 10, xã G1, huyện G, tỉnh N.
Tại phiên tòa bị cáo có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Hà Thị O bị VKSND huyện Giao Thủy truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 22 giờ 15 phút ngày 10/11/2016, Nguyễn Xuân H cùng Vũ Thành C đến ki ốt 108 thuộc Khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G do Hà Thị O đang quản lý kinh doanh. H và C gọi bia uống, đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H bảo O bố trí cho một em để nghỉ ngơi (ý H bảo O bố trí cho 01 gái bán dâm để H mua dâm), O đồng ý rồi dùng điện thoại Nokia 1280 của mình gọi điện đến số điện thoại bàn của ki ốt 88 - KDL Q1, thị trấn Q, huyện G do anh Nguyễn Văn Đ làm chủ quản lý và kinh doanh gặp chị Lo Thị H là nhân viên giúp việc của Ki ốt 88 nghe máy. O bảo H sang bán dâm cho H, H đồng ý. Khi H đến Ki ốt 108, H trả cho O 200.000 đồng tiền mua dâm. O nhận 200.000 đồng rồi bố trí cho H và H vào phòng số 203 để mua bán dâm. Đến 22 giờ 45 phút cùng ngày, trong lúc Nguyễn Xuân H và Lo Thị H đang mua bán dâm thì bị Công an huyện Giao Thủy kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp quả tang. Thu giữ tại phòng số 203: 01 vỏ bao cao su màu vàng xanh nhãn hiệu Number one 1, một ruột bao cao su đã qua sử dụng. Hà Thị O đã tự giác giao nộp số tiền 200.000đ và khai nhận đó là tiền mua dâm do H trả cùng chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen O dùng để gọi Lo Thị H đến bán dâm. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hà Thị O tại Ki ốt 108, thu giữ dưới chiếu giường phòng 203: 01 bao cao su nhãn hiệu Number one 1 màu vàng xanh còn nguyên vẹn.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy, Hà Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 02/CTR ngày 22/12/2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố Hà Thị O về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và nhất trí với bản cáo trạng của VKSND huyện Giao Thủy là đúng, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hà Thị O phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo O từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo còn đang nuôi con nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy tang vật của vụ án. Tịch thu số tiền 200.000 đồng thu giữ của Hà Thị O là tiền do phạm tội mà có và chiếc điện thoại di động Nokia 1280 O dùng vào việc phạm tội sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn bộ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội qua tang, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở để HĐXX kết luận:

Khoảng 22 giờ 15 phút ngày 10/11/2016, Nguyễn Xuân H đến ki ốt 108 – thuộc Khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G do Hà Thị O đang quản lý. H đặt vấn đề với O bố trí gái bán dâm, O đồng ý. O đã bố trí cho chị Lo Thị H bán dâm cho H tại phòng 203 tại ki ốt 108 do mình quản lý và đã nhận của H số tiền 200.000 đồng tiền mua bán dâm bất chính.

Hành vi của Hà Thị O đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”; VKSND huyện Giao Thủy đã truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc, danh dự, nhân phẩm của con người, là mầm mống lây truyền vi rút HIV- AIDS và các bệnh xã hội khác, gây dư luận xấu trong xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới giáo dục được bị cáo trở thành công dân tốt và đấu tranh phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX cũng xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để ấn định mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại CQĐT và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị cáo còn đang nuôi con

nhỏ, bản thân là lao động chính trong gia đình chưa có nhà riêng, kinh tế gia đình khó khăn. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 254 BLHS năm 1999 quy định “Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm”; Tại khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 quy định “ Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS, điểm b khoản 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội ; HĐXX sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Không cần thiết buộc bị cáo phải đi tập trung cải tạo mà áp dụng Điều 60 BLHS cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp pháp luật.

Về sử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu số tiền 200.000 đồng thu giữ của Hà Thị O là tiền do phạm tội mà có và chiếc điện thoại di động Nokia 1280 O dùng vào việc phạm tội sung quỹ Nhà nước. Tịch thu cho tiêu hủy phong bì niêm phong ghi: tang vật thu giữ tại phòng 203 (trong phong bì có 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Number one màu vàng xanh và 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng); 01 bao cao su nhãn hiệu Number one màu vàng xanh chưa qua sử dụng; 01 chiếc thẻ sim bị lỗi không liên lạc được.

Đối với Nguyễn Xuân H và Lo Thị H đã có hành vi mua bán dâm. Xét thấy hành vi của H và H chưa đến mức phải xử lý về hình sự nên Công an huyện Giao Thủy đã xử lý bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn Q là chồng Hà Thị O, quá trình điều tra xác định việc O bố trí cho anh H và chị H mua bán dâm tại ki ốt 108 anh Q không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy không đặt ra vấn đề xử lý là đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ là chủ ki ốt 88- khu du lịch Q1 nơi chị H làm người giúp việc, quá trình điều tra xác định việc chị H đi bán dâm anh Đ không biết nên vấn đề xử lý không đặt ra đối với anh Đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của UBTVQH khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hà Thị O phạm tội “Chứa mại dâm”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Hà Thị O 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 11/11/2016 đến 14/11/2016).

Giao bị cáo Hà Thị O cho UBND thị trấn Quất Lâm giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu số tiền 200.000 đồng thu giữ của Hà Thị O là tiền do phạm tội mà có và chiếc điện thoại di động Nokia 1280 O dùng vào việc phạm tội sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu cho tiêu hủy phong bì niêm phong ghi: tang vật thu giữ tại phòng 203. (Được ghi chi tiết trong biên lai thu tiền số 05100 và biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Hà Thị O phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ